

Số: 222/2024QĐST-HN&GD

Đại Từ, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hợp và ông Lương Minh Côn.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 313/2024/HNGĐ-ST ngày 13/11/2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Hồng X, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Ngân Hàng chính sách Xã hội tỉnh T – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đ:

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kim H – Chức vụ Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế K – Chức vụ Phó giám đốc.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Hồng X và anh Vũ Văn T nhất trí thỏa thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa.

2.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Văn Thị Hồng X và anh Vũ Văn T về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn như sau:

Giao con chung thứ nhất: Cháu Vũ Văn H1, sinh ngày 19/7/2019 cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; giao con chung thứ hai là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 05/01/2022 cho chị Văn Thị Hồng X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Chị X, anh T thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án phân chia nên không kê khai.

2.4. Khoản nợ chung, khoản cho vay chung: Chị Văn Thị Hồng X, anh Vũ Văn T, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao cho anh Vũ Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh (nếu có). Anh T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 13/12/2024 theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.5. Về án phí: Chị X, anh T thống nhất thỏa thuận: Chị Văn Thị Hồng X tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chị X được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005706 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Xác nhận chị X đã nộp đủ.

Anh Vũ Văn T phải chịu án phí trả nợ số tiền là 2.500.000đ (Bằng chữ: Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ (ĐKKH số 71, quyển số 01 ngày 09/12/2008);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà